

HAROLD JAMES

Dịch và hiệu đính: TUẤN TRUNG - THOAN THU

BẢY CƯƠNG KHỦNG HOẢNG ĐỊNH HÌNH TOÀN CẦU HÓA

(Sách tham khảo, xuất bản lần thứ hai)

⊕ MEGA+

ST

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

HAROLD JAMES

Giáo sư Lịch sử & Quan hệ quốc tế,
Giáo sư Claude và Lore Kelly về
Nghiên cứu châu Âu
tại Đại học Princeton
Nhà sử học chính thức của IMF
Chủ tịch Hội đồng biên tập
của *World Politics*
Cộng tác viên thường xuyên
của *Project Syndicate*.

- Các công trình tiêu biểu:
The German Slump (1986)
A German Identity 1770-1990
(1989)
*International Monetary Cooperation
Since Bretton Woods* (1996)
The End of Globalization
(2001, xuất bản bằng 8 ngôn ngữ)
- Các tác phẩm gần đây:
*The Creation and Destruction
of Value* (2009)
*Making the European Monetary
Union* (2012)
*The Euro and the Battle
of Economic Ideas* (2016)
The War of Words (2021)



“Một diễn giải táo bạo về cách thức các cú sốc lớn toàn cầu định hình những chu kỳ toàn cầu hóa xuyên suốt 2 thế kỷ qua. Bất kỳ ai muốn dự báo tương lai của kinh tế thế giới đều nên đọc cuốn sách này”.
- Maurice Obstfeld, Giáo sư kinh tế, Đại học California, Berkeley

“Tài kể chuyện của James khiến các nhà kinh tế bước ra khỏi trang sách như những nhân vật sống động. [...] Ông cũng phân tích chân dung đầy màu sắc của các nhà đổi mới tài chính, từ Ivar Krueger của Thụy Điển [...] đến Jack Ma”.
- Mary Tone Rodgers, EH.net

“[...] một cuốn sách đầy cuốn hút. [...] James đưa ra một kết luận bất ngờ: các cú sốc cung có xu hướng thúc đẩy toàn cầu hóa, trong khi các cú sốc cầu lại làm chậm nhịp tiến trình ấy”.
- Martin Wolf, *Financial Times*, “Best Books of 2023 - Economics”

Harold James phân tích lịch sử kinh tế hiện đại qua 7 cú sốc lớn - từ nạn đói Ailen, khủng hoảng 1873, đại khủng hoảng 1929, lạm phát thập niên 1970, khủng hoảng tài chính 2008 đến đại dịch Covid-19. Mỗi biến cố được soi chiếu như một “điểm gãy” của toàn cầu hóa, nơi những mô hình cũ sụp đổ và tư tưởng kinh tế mới trỗi dậy, định hình lại cách thế giới vận hành. Qua những đợt chao đảo của giá cả, cung - cầu và rủi ro, cuốn sách chỉ ra quy luật: khủng hoảng vừa phá hủy vừa mở đường, buộc thị trường tái cấu trúc, thể chế điều chỉnh và tư duy kinh tế đổi mới để thích ứng với một trật tự toàn cầu biến động.

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Số 6, ngõ 86 Duy Tân, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222
Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.org.vn
Sách điện tử: <https://stbook.vn>, <https://thuviencoso.vn>
<https://sachquocgia.vn>, <https://ststore.vn>



Quét mã QR để mua các sách trực tuyến

ISBN: 978-604-57-7536-3



9 786045 775363



8935279189366

Giá: 248.000đ

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Khủng hoảng kinh tế là tình trạng nền kinh tế suy thoái nghiêm trọng với những đặc trưng cơ bản là sự sụt giảm mạnh các chỉ số kinh tế như Tổng sản phẩm quốc nội (GDP), sản xuất công nghiệp, tiêu dùng và việc làm, thường đi kèm với tỷ lệ thất nghiệp cao, suy giảm niềm tin của người tiêu dùng và nhà đầu tư, lạm phát hoặc giảm phát,... Khủng hoảng kinh tế tác động lớn đến các cá nhân, gia đình, doanh nghiệp và quốc gia, dẫn đến nhiều hệ lụy như thất nghiệp, nghèo đói, bất ổn xã hội và thậm chí là thay đổi thể chế chính trị. Tuy nhiên, khi chính phủ và các tổ chức quốc tế phát hiện và có biện pháp can thiệp kịp thời, hữu hiệu như kích thích tài chính, cắt giảm thuế, hoặc cải cách hệ thống tài chính, thì khủng hoảng kinh tế lại trở thành thời cơ để các nền kinh tế cải tổ và phát triển.

Trên cơ sở khung lý thuyết khái quát nói trên, giáo sư nổi tiếng người Mỹ Harold James - chuyên gia hàng đầu trong nghiên cứu về Lịch sử kinh tế và quan hệ quốc tế đã phân tích một số cuộc khủng hoảng toàn cầu trong lịch sử cận hiện đại thông qua cuốn sách ***Bảy cuộc khủng hoảng định hình toàn cầu hóa*** của ông.

Được bố cục thành 7 chương, nội dung sách xem xét một số cuộc khủng hoảng lớn trên thế giới từ thế kỷ XIX đến nay, trong đó có khủng hoảng cuối thập niên 1840, các cú sốc cung - cầu đồng thời trên thị trường chứng khoán

năm 1873, thời kỳ Đại suy thoái 1929-1933, cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2007-2008 và gần đây nhất là cuộc khủng hoảng Covid-19. Một số khủng hoảng đã thúc đẩy mạnh mẽ các thị trường theo hướng hội nhập xuyên biên giới về thị trường lao động, hàng hóa và vốn, trong khi những khủng hoảng khác lại thúc đẩy quá trình phi toàn cầu hóa. Đặc biệt, mỗi biến cố kinh tế đều gắn với một nhân vật xuất chúng đương thời, hoặc là các nhà tư tưởng, nhà kinh tế học, hoặc những chính khách có ảnh hưởng lớn đến vấn đề hoạch định chính sách, như Karl Marx, Karl Helfferich, John Maynard Keynes, Milton Friedman, Friedrich Hayek, Ben Bernanke, Larry Summers,...

Trong nội dung sách, Harold James cũng nhấn mạnh rằng, các cuộc khủng hoảng thường xảy ra khi hệ thống tài chính bị lạm dụng, thiếu sự điều tiết và khi các quốc gia hoặc tổ chức tài chính không kiểm soát được rủi ro. Mỗi cuộc khủng hoảng lại dẫn đến những thay đổi to lớn và sâu rộng trong chính sách kinh tế toàn cầu, làm thay đổi cấu trúc và các quy định tài chính quốc tế, đồng thời cũng để lại nhiều bài học có giá trị về bản chất của các hệ thống tài chính, những nguyên nhân sâu xa, cũng như cách thức các quốc gia và nền kinh tế ứng phó với chúng.

Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật tổ chức tái bản cuốn sách này với mong muốn cung cấp cho bạn đọc thêm tài liệu tham khảo về lịch sử và những bước ngoặt của quá trình toàn cầu hóa kéo dài 200 năm qua. Tôn trọng ý kiến của tác giả và để bạn đọc thuận tiện nghiên cứu, tham khảo, chúng tôi cố gắng giữ nguyên tinh thần của nguyên bản và khẳng định những ý kiến đó là quan điểm riêng của tác giả, không phản ánh quan điểm của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

Trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 01 năm 2026

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI CẢM ƠN

Cuốn sách này được viết sau đại dịch Covid-19 và sự thay đổi sâu sắc mà cuộc khủng hoảng này mang lại cho cuộc sống của tất cả mọi người cũng như vấn đề địa-chính trị. Tôi đã nghĩ về toàn cầu hóa và những hạn chế của nó trong suốt hơn 30 năm và bị cuốn hút bởi cách thức lịch sử thường có những thay đổi hoàn toàn mang tính đảo ngược, như trong thời kỳ Đại khủng hoảng, nhưng cũng có những giai đoạn mới với sự kết nối mạnh mẽ. Cuộc khủng hoảng Covid-19 đối với tôi dường như mang những điểm tương đồng với các thời điểm trước đó - những nạn đói và những cuộc cách mạng giữa thế kỷ XIX, hoặc các cú sốc về nguồn cung của thập niên 1970 - khi toàn cầu hóa được diễn giải lại và tái cấu trúc.

Những suy tư ban đầu của tôi xuất hiện dưới hình thức các bài viết mang tính học thuật, trong đó có bài “Seven Transformative Crises from European Revolution to Corona: Globalization and State Capacity” (*Financial History Review* 27, số 2 [2020]) và bài còn lại dành cho độc giả đại chúng với tựa đề “Globalization’s Coming Golden Age: Why Crisis Ends in Connection”, *Foreign Affairs*, tháng 5 - 6 năm 2021. Tôi muốn gửi lời cảm ơn

đến những người tổ chức nhiều hội thảo và hội nghị mà tại đó, tôi đã trình bày các phần của những lập luận trong cuốn sách này, đó là David Bell thuộc Trung tâm nghiên cứu lịch sử Davis và Markus Brunnermeier từ Trung tâm tài chính Bendheim ở Princeton; Piroska Nagy và Erik Berglof từ Viện Nghiên cứu các vấn đề toàn cầu LSE; Wolfgang Quaisser tại Học viện Giáo dục chính trị; Piotr Pysz tại Quỹ Konrad Adenauer ở Warszawa; Liz Mohn, Wolfgang Schüssel và Joerg Habich thuộc Quỹ Bertelsmann Trilogue; cũng như Raphael Gross và Nike Thum từ Bảo tàng Lịch sử Đức ở Berlin. Năm 2022, tôi vinh dự được Catherine R. Schenk và Hội Lịch sử kinh tế mời trình bày bài giảng tại Tawney Memorial Lecture thường niên. Tôi cũng đã học hỏi rất nhiều từ công việc chung với Andrew Koger, Ali Kabiri và John Landon-Lane về Hội nghị Hòa bình năm 1919 và về tâm lý trong thời kỳ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới. Tôi đã nhận được nhiều đóng góp quý báu từ Michael Bordo và Luis António Vinhas Catão, cũng như có những cuộc trò chuyện dài với Markus Brunnermeier và Jean-Pierre Landau.

Seth Ditchik tại Nhà xuất bản Đại học Yale, Detlef Felken tại Nhà xuất bản Munich Beck - người đầu tiên gợi ý biến bài viết của tôi thành một bản đánh giá quy mô lớn về những thăng trầm của toàn cầu hóa - và Patrick Oelze tại Nhà xuất bản Herder đã hướng dẫn và cho tôi những lời khuyên nhất quán, hữu ích. Kevin Polanish và Harril Saunders đã hỗ trợ tôi nghiên cứu, với sự tài trợ của Quỹ ẩn danh, Đại học Princeton. Kelly Lin-Kremer và Duy Trinh đã tận tình giúp đỡ tôi về phần biểu đồ. Tôi cũng muốn bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với đóng góp của Marzenna James, cùng các con của chúng tôi, Maximilian, Marie Louise và Montagu James.

GIỚI THIỆU

Một thế giới kết nối đang tan vỡ. Thiếu lương thực trầm trọng gây ra nạn đói, bệnh truyền nhiễm lây lan trong cộng đồng dân cư thiếu dinh dưỡng, tình trạng bất ổn xã hội bùng phát, hệ thống chính trị bị thách thức và phá hủy. Thế giới tập trung chú ý vào những khu vực địa lý nóng bỏng: một số chiếm vị trí chủ đạo trong những hình dung về địa-chính trị, miền Đông Địa Trung Hải, eo biển Dardanellia. Tuyến đường giữa Biển Đen và Địa Trung Hải có tầm quan trọng toàn cầu, một con đường hẹp kết nối các khu vực sản xuất hạt ngũ cốc ở trung tâm Á - Âu với những người tiêu dùng đang đói hoặc đang dần chết đói. Nghe có vẻ quen thuộc? Kịch bản này đã thường xuyên tái diễn trong mấy thế kỷ qua: cuối những năm 1840, trong Chiến tranh thế giới thứ nhất và tất nhiên là vào năm 2022. Thập niên 1970, Trung Đông trở thành tâm điểm tranh luận gay gắt toàn cầu về an ninh năng lượng. Những tổn thương do nguồn cung lương thực hoặc năng lượng không đủ,

những nỗi lo chúng bị kiểm soát bởi các thế lực thù địch, nham hiểm hay đơn giản là hoàn toàn xa lạ, những thách thức đòi hỏi các chính phủ phải phối hợp hiệu quả các chính sách đối nội và đối ngoại: những điều này tạo thành động lực cơ bản thúc đẩy con người sẵn sàng sáng tạo lại cách thức sử dụng tài nghệ của con người và những kỹ thuật mới để giải quyết vấn đề và kết nối các dân tộc trên khắp thế giới. Những cuộc khủng hoảng thoát nhìn có vẻ như chỉ mang tính tàn phá, dẫn đến chết chóc và hủy diệt, song lại thể hiện tính đột phá. Cuốn sách này muốn kể câu chuyện chi tiết về quá trình biến chuyển cũng như cách hiểu về những cuộc khủng hoảng đó - hay thậm chí hơn thế nữa, là nó đã thay đổi triệt để tư duy và tái diễn giải câu chuyện toàn cầu hóa như thế nào.

Điều gì thúc đẩy toàn cầu hóa - tính chất liên kết kinh tế và chính trị ngày càng gia tăng của thế giới? Những điểm yếu của toàn cầu hóa là gì? Người ta thường nghĩ hiện tượng toàn cầu hóa là một tiến trình tự hành không thể lay chuyển, một đặc tính dị biệt của nền văn minh đương đại, được thúc đẩy thông qua tiến bộ kỹ thuật trong quá trình Tăng trưởng kinh tế hiện đại, thuật ngữ được phổ biến bởi nhà kinh tế học Simon Kuznets¹. Tuy nhiên, trong thực tế, tính chất liên kết là một bước phát triển không đồng đều và thất thường, hình thành qua những phản ứng tập thể trước tình huống gián đoạn và khủng hoảng. Tại những thời điểm đó, giá cả - hoặc nỗ lực kìm hãm giá cả - tạo ra các tín hiệu chỉ dẫn cho các phản ứng. Dao động liên tục của chúng có thể gây lộn xộn và mất phương hướng: chúng gợi mở những cách tư duy mới - đôi khi hiệu quả, đôi khi nguy hiểm.

Những gián đoạn thường bắt đầu với sự cố nhỏ và ban đầu có vẻ tầm thường, chẳng hạn như nấm *phytophthora infestans* xuất hiện ở Ailen giữa thế kỷ XIX, hoặc chủng virus corona được cho là bắt nguồn từ Vũ Hán cuối năm 2019, hoặc thậm chí như vụ ám sát Đại vương công Áo năm 1914. Các nhà kinh tế học Ian Goldin và Mike Mariathasan đã mô tả

vấn đề này là “khiếm khuyết cánh bướm” (butterfly defect)* của toàn cầu hóa². Cách thức các cuộc khủng hoảng leo thang ra khỏi tầm kiểm soát chính là lời nhắc chúng ta chú ý xem các sự kiện nhỏ cần được hiểu như thế nào. Họ cũng minh họa về những khó khăn của việc phát triển một khung lý thuyết cho những hiểu biết như vậy.

Theo luận điểm của cuốn sách này, những thể chế mới - những phát kiến của thị trường, nhưng cũng bao gồm các quốc gia mạnh hơn và mở rộng tiềm lực của mình - thường nảy sinh từ những phản ứng đối với một kiểu gián đoạn cụ thể: khủng hoảng nguồn cung. Kết quả làm thay đổi cách mọi người nhìn nhận về những tương tác, hoặc về quá trình kinh tế. Khủng hoảng nguồn cung là những thời điểm mà các mặt hàng cơ bản như thực phẩm hoặc nhiên liệu trở nên khan hiếm, giá cả tăng cao và cần có các kênh sản xuất và phân phối mới. Vấn đề chính trị trọng tâm là cách ứng phó với thách thức từ giá cả biến động mạnh. Biến động giá cả dẫn đến những cuộc cách mạng trong chính phủ, cũng như trong tổ chức kinh doanh. Một số hệ thống cứng nhắc đến mức chúng bị phá hủy hoàn toàn bởi nền kinh tế thiếu hụt: nhà kinh tế học lỗi lạc người Hunggari János Kornai đã trình bày một cách thuyết phục cách thức mà tình trạng khan hiếm, hành vi tích trữ và những rối loạn vận hành bắt nguồn từ đó đã gây suy yếu và cuối cùng phá hủy các nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung (của các nước xã hội chủ nghĩa)³.

Phản ứng trước khủng hoảng Covid-19 minh họa cho câu hỏi hóc búa cố hữu khi nghĩ về phương hướng hoặc diễn biến tuyến tính của toàn cầu hóa. Ban đầu, có vẻ như đại dịch đã chia cắt thế giới, phá hủy chủ nghĩa đa phương, xé tan chuỗi cung ứng xuyên biên giới phức tạp, và theo đó đảo ngược quá trình toàn cầu hóa. Thoạt đầu, hoạt động thương mại bị gián đoạn khiến giá cả sụt giảm do chuỗi cung ứng ngừng

* Thuật ngữ này thường được sử dụng trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ, đặc biệt là trong thiết kế hệ thống, để chỉ ra những lỗi sai hoặc khiếm khuyết nhỏ có thể dẫn đến những vấn đề lớn hơn trong hoạt động của hệ thống (BT).

hoạt động; sau đó, khi nhu cầu về hàng hóa thay thế nhu cầu về dịch vụ, tình trạng thiếu hụt xuất hiện và giá cả tăng vọt. Giá cả rơi vào “hiệu ứng roi da”* (bullwhip effect)⁴. Các quốc gia xung đột vì tài nguyên khan hiếm, và một số quốc gia, đặc biệt là Nga, đã tìm cách khai thác quyền kiểm soát của họ đối với nguồn cung năng lượng và thực phẩm. Sau đó, chiến tranh gây gián đoạn sản xuất hơn nữa, và đến năm 2022, sản lượng thu hoạch trên thế giới giảm sút, nguồn cung lương thực giảm và tình trạng khan hiếm lớn xuất hiện.

Các nước lớn dường như muốn rút lui. Trung Quốc giảm bớt chú trọng tăng trưởng dựa vào xuất khẩu, thay vào đó hướng tới một mô hình mới với tiêu dùng nội địa trở thành động lực của nền kinh tế. Nước Mỹ tự thu mình vào trong và về căn bản vẫn giữ nguyên các mức thuế quan từ thời Trump, ngay cả sau khi nhiệm kỳ tổng thống mới năm 2021 hùng hồn ủng hộ chủ nghĩa đa phương. Nước Nga quay sang đối đầu quyết liệt không chỉ với Ucraina mà với toàn bộ trật tự kinh tế và chính trị quốc tế. Trái lại, các nước nhỏ tiếp tục phụ thuộc vào thương mại đối với các mặt hàng thiết yếu: thực phẩm, cũng như các sản phẩm điện tử và kỹ thuật phức tạp, vật tư y tế và dược phẩm.

Tuy nhiên, kinh nghiệm lịch sử cho thấy, các hình thức khủng hoảng toàn cầu hóa còn dẫn đến toàn cầu hóa mạnh mẽ hơn: chúng tạo ra nguồn năng lượng mới cho truyền thông và sáng kiến đổi mới. Do đó, thế giới chính trị ngày nay bao trùm trong một câu hỏi lớn: Covid-19 sẽ tác động như thế nào đến toàn cầu hóa? Kể từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2007-2008, ngày càng có nhiều dấu hiệu cho thấy toàn cầu hóa có thể đang đảo ngược, hoặc chuyển sang trạng thái trì trệ hoặc “toàn cầu hóa quay chậm” (slowbalization). Toàn cầu hóa thường được cho là tác động chủ yếu đến tiền lương và giá cả - tạo ra giảm phát liên tục bằng cách

* Còn gọi là “hiệu ứng bullwhip”, là một hiện tượng trong chuỗi cung ứng, trong đó những biến động nhỏ ở mức tiêu thụ của người tiêu dùng có thể gây ra những biến động lớn hơn ở các mức độ cao hơn của chuỗi cung ứng (BT).

bổ sung một lượng lớn lao động vào lực lượng lao động toàn cầu và giảm giá trị lao động của lực lượng lao động sản xuất cổ cồn xanh truyền thống ở các nước giàu. Tiếp theo, chủ nghĩa dân túy ra sức phản đối di cư và thương mại, và các quốc gia cố gắng hạn chế dòng chảy tài chính. Các quốc gia nhập cư lo lắng về những tác động đến tiền lương và thị trường lao động, trong khi các quốc gia di cư than thở về tình trạng chảy máu chất xám khi xã hội và hệ thống thuế của họ sẽ mất đi những cá nhân được đào tạo đắt đỏ. Ở những nền kinh tế tràn lan tình trạng mất việc làm, nhiều người cảm thấy thương mại như một cuộc trao đổi vô ích, trong khi hàng nhập khẩu phá hủy sinh kế. Người ta lên án dòng dịch chuyển tư bản có thể trở nên điên cuồng và gây bất ổn, trong khi giới hoạch định chính sách phản ứng bằng các kế hoạch quản lý chúng. Mười hai năm sau, virus corona, mối đe dọa toàn cầu, khuếch đại thách thức đối với toàn cầu hóa. Nhiều chính trị gia theo chủ nghĩa dân túy hoặc phản đối toàn cầu hóa lập tức kết luận nguyên nhân bắt nguồn từ toàn cầu hóa.

Khi đã nhận thức về mối đe dọa toàn cầu đến từ đại dịch hoặc biến đổi khí hậu, những phản ứng phối hợp toàn cầu sẽ được hình thành. Các cuộc khủng hoảng dường như nhấn mạnh vào việc toàn cầu hóa phải được định hướng hoặc quản lý như thế nào. Những người hoài nghi sẽ nhanh chóng chỉ ra rằng thực tế thường phức tạp hơn. Covid-19 thường nhắc nhở mọi người trước tiên hãy nghĩ đến lợi ích quốc gia: “Nước Mỹ trên hết”. Nhưng các nhà hoạch định chính sách cũng sẽ “ngó nghiêng” và so sánh với những gì các quốc gia khác đang làm, và có lẽ cả những gì họ cần học hỏi. Các quốc gia lập tức lao vào cuộc đua trở thành người đầu tiên có vắc xin để bảo đảm ưu thế khoa học và kỹ thuật trong dài hạn: “chủ nghĩa dân tộc vắc xin” sau đó đã lôi kéo Mỹ, Anh, Nga và Trung Quốc va chạm công khai hơn, nhưng cũng tạo ra những xung đột gay gắt trong Liên minh châu Âu (EU). Động thái chuyển sang chủ nghĩa bảo hộ thương mại và cạnh tranh dâng cao giữa các cường quốc đã tạo tiền đề cho quyết tâm sử dụng nguồn cung năng lượng như một công cụ tổng tiền, rồi đến

cuộc khủng hoảng quân sự Nga - Ucraina từ năm 2022. Những thách thức toàn cầu khác ban đầu cũng kích động chủ nghĩa bảo hộ và chủ nghĩa dân tộc mới. Ngay cả biến đổi khí hậu, tương tự Covid-19, cũng có thể được sử dụng để phát triển ưu thế chiến lược mới: cụ thể là các quốc gia phía bắc, đặc biệt là Nga, cũng như Canada và Na Uy, có thể hưởng lợi từ nhiệt độ ấm hơn và di chuyển dễ dàng qua Bắc Cực. Hệ quả là, địa-chính trị dường như hiện diện khắp nơi sau đại dịch, để phản ứng đối với cuộc chiến ở Ucraina. Tư duy địa-chính trị hạn chế khả năng đề xuất những phản ứng phối hợp; và hậu quả là toàn cầu hóa dường như đang rút về thế phòng thủ.

Có thực như vậy không? Những phản kháng sẽ tiếp tục lên đến mức nào? Hành động phối hợp, hay sự hợp tác giữa các chính phủ, chắc chắn trở nên khó khăn hơn. Do vậy, họ cần phải dựa vào những động lực khác từ khu vực tư nhân để có thể gắn kết thế giới với nhau. Nhưng liệu những sáng kiến mới như vậy có đủ sức giải quyết những hạn chế lớn về nguồn cung?

Tăng trưởng kinh tế hiện đại

Toàn cầu hóa theo nghĩa kinh tế liên quan đến dòng chảy hàng hóa, lao động, tư bản và cả tư tưởng xuyên biên giới quốc gia. Những dòng chảy như vậy chủ yếu phản ứng với nhận thức về tính khan hiếm, thông thường được thể hiện qua tín hiệu giá cả. Thế giới trước thời hiện đại thường bị gián đoạn bởi tình trạng thiếu nguồn cung trầm trọng, thường xuyên và nguy hiểm nhất là thiếu lương thực, do những thay đổi thất thường của thời tiết và hiện tượng tự nhiên khác, cũng như những tàn phá do xung đột của con người. Tương lai luôn bất định, và những biện pháp để phòng thiếu hụt cần có sự trợ giúp của trí tuệ hoặc thể lực siêu nhiên: như khi Joseph đáp lại giấc mơ của Pharaoh về 7 con bò cái khỏe mạnh, mập mạp bị 7 con bò nhà gầy gò và xấu xí ăn thịt bằng cách

lập luận rằng cần phải xây dựng kho dự trữ trong những năm dồi dào để đương đầu với 7 năm nghịch cảnh sắp tới. Hay khi Moses dẫn đường cho dân tộc mình từ vùng đất Ai Cập trù phú, khi họ cần dinh dưỡng và nhà tiên tri nói với họ rằng Chúa trên trời sẽ tạo ra cơn mưa bánh mì.

Hiện tượng dịch chuyển dân cư đã có từ lâu đời - có bằng chứng khảo cổ học từ thời cổ đại cho thấy mối liên hệ giữa phần phía đông và phía tây của lục địa Á - Âu⁵. Nhưng trong bối cảnh hiện đại từ giữa thế kỷ XIX, đã phát triển số lượng di cư lớn hơn nhiều. Hiện tượng này đóng một vai trò đặc biệt quan trọng trong các mô hình được sử dụng để mô tả quá trình Tăng trưởng kinh tế hiện đại (Modern Economic Growth, hay MEG). Đáng chú ý, thuật ngữ “tăng trưởng kinh tế”, chứ chưa nói đến “tăng trưởng kinh tế hiện đại”, hầu như chưa được sử dụng trước những năm 1940, thời điểm nó phần nào được phổ biến như một đối trọng về khoa học xã hội với “quan điểm hệ thống điều khiển học”, vốn được minh họa chính xác nhất qua kỹ thuật của phản ứng dây chuyền hạt nhân trong ngành khoa học tự nhiên. Thế giới khi đó trở thành một “chuỗi các vật thể hoặc hệ thống có thể được mô hình hóa, dự đoán và điều khiển”⁶. Có những vòng lặp phản hồi (feedback loop) và tương tác nhất quán, và chúng vượt qua các ranh giới phân định các quốc gia và đế chế.

Theo luận điểm chủ đạo về tầm nhìn mới của nền kinh tế, vốn và lao động có thể thay thế cho nhau ở dạng mô hình tăng trưởng tiêu chuẩn, trong đó sản lượng được thúc đẩy bởi một hàm số kết hợp tỷ lệ vốn và lao động với một hệ số biểu thị những cải tiến công nghệ. Trong thập niên 1950, Moses Abramovitz và Robert Solow đã xây dựng các mô hình tăng trưởng được chứng thực thông qua công trình của John Kendrick: những nhà phân tích này nhận thấy năng suất gia tăng đáng kể vào thế kỷ XX, và họ cho rằng đó là nhờ cải tiến công nghệ⁷. Những mô hình tăng trưởng này sau đó được mở rộng, đặc biệt là bởi Paul Romer, trong đó đề xuất những phương thức tăng trưởng với công nghệ giữ vai trò là yếu tố nội sinh của quá trình tăng trưởng, chứ không phải một “cỗ máy thần thánh”

ngoại sinh giải thích bước chuyển biến của nhân loại. Công nghệ được áp dụng và điều chỉnh thông qua “hành động theo chủ ý của những người đáp ứng các khuyến khích của thị trường”. Lượng người tương tác đóng vai trò quan trọng cho quá trình này, và do đó lượng vốn nhân lực lớn hơn sẽ tạo ra mức tăng trưởng cao hơn. Nhờ vậy, việc mở rộng lượng vốn đó thông qua thương mại quốc tế tự do lại tiếp tục đẩy mạnh quá trình tăng trưởng⁸.

Thế kỷ XIX, động lực cơ bản được tạo ra bằng cách so sánh mức lợi nhuận trên các yếu tố di động (lao động và vốn), cũng như trên yếu tố bất động (đất đai). Đặc trưng của quá trình toàn cầu hóa nửa sau thế kỷ XIX là con người (lực lượng lao động) di chuyển đến những nơi khan hiếm lao động tương ứng với tiền lương cao và đất đai rẻ, tại các khu thuộc địa: với những dòng di cư lớn nhất đến Mỹ, Canada, Argentina và Ôxtrâyliia. Ngược lại, châu Âu có giá đất đắt đỏ và tiền lương thấp hơn, nhất là bên ngoài nước Anh. Một tầng lớp quý tộc, với ảnh hưởng chính trị to lớn, muốn giữ nguyên hiện trạng này. Dòng di cư mang lại sản lượng cao hơn, nhưng cuối cùng cũng làm tăng tiền lương ở các quốc gia di cư, và chi phí sinh hoạt giảm xuống. Sau đó, di cư xảy ra từ các nước nghèo hơn. Các vùng đất thuộc địa hoặc nhập cư cũng trải qua tình trạng thiếu vốn, với lợi nhuận từ vốn cao hơn, đồng thời lượng vốn lớn cũng chảy vào nhằm mở rộng sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt thông qua đầu tư vào hạ tầng, xây dựng, thiết bị, v.v.. Phần lớn xuất khẩu vốn của Anh đổ vào châu Mỹ, châu Đại Dương và Nga⁹. Kết quả của quá trình toàn cầu hóa này là sự hội tụ, chỉ hạn chế vào thế kỷ XIX vì về cơ bản nó chỉ diễn ra ở những vùng ôn đới trên thế giới phù hợp với kiểu canh tác của châu Âu. Công nghệ dường như bị hạn chế về khả năng ứng dụng, đặc biệt không thể dễ dàng vận chuyển đến những khu vực trên thế giới có mật độ dân số cao, tiền lương thấp và trình độ học vấn khiêm tốn theo tiêu chuẩn phương Tây. Trong cơ cấu này, vốn và lao động thường xuyên luân chuyển cùng nhau như một sự kết hợp thúc đẩy phát triển, nhưng không phải ở mọi nơi trên thế giới.

Do đó, thời kỳ đầu của toàn cầu hóa tương đối khác biệt so với xu hướng hiện đại hơn, trong đó sản phẩm được sản xuất trong các chuỗi cung ứng phức tạp trải dài khắp thế giới, với công nghệ thông tin cho phép chuyển giao dễ dàng¹⁰. Học vấn cao hơn cũng tạo điều kiện cho công nghệ lan tỏa dễ dàng hơn. Bởi vậy, quá trình toàn cầu hóa cuối thế kỷ XX đa dạng hơn về mặt địa lý, khi dòng vốn thường được di chuyển đến các khu vực có chi phí lao động thấp và có tiềm năng bắt kịp năng suất cao. Nhưng ngay cả ở đây cũng có một nghịch lý thường được ghi nhận: dòng vốn không phải lúc nào cũng chảy vào các nước nghèo, và trong một số trường hợp, các nước giàu (đặc biệt là Mỹ và Anh) lại trở thành những nước nhập khẩu lượng vốn lớn¹¹.

Một đặc điểm chính yếu của mô hình tăng trưởng này là giả định về tốc độ thay đổi kỹ thuật chung. Nhưng cũng có thể phản bác rằng khám phá là một quá trình ngẫu nhiên, đấu cho với số lượng nhà khoa học và nhà thí nghiệm nhiều hơn có thể cho ra số lượng phát kiến nhiều hơn, cũng như trên một phương diện rộng hơn, trong một thời kỳ dài. Khó khăn thực sự nằm ở vấn đề ứng dụng công nghệ. Trong thực tế, thường có khoảng cách lớn giữa một phát kiến có tiềm năng đột phá và mức độ lan tỏa hữu ích trên quy mô rộng. Matthew Boulton và James Watt đã chế tạo một động cơ hơi nước tốt hơn vào năm 1776, nhưng tuyến đường sắt đầu tiên ở Anh, tuyến ngắn từ Stockton đi Darlington, chỉ bắt đầu chạy vào năm 1825 để kết nối các mỏ than với Biển Bắc, trong khi con tàu hơi nước đầu tiên, *SS Great Western*, chạy bằng bánh guồng của Isambard Kingdom Brunel, vượt Đại Tây Dương vào năm 1838. Như vậy, mãi đến giữa thế kỷ XIX, ngành đường sắt mới mở ra những tuyến đường nội địa trên toàn thế giới và tàu hơi nước mới vận chuyển hàng hóa trên quy mô toàn cầu. Orville và Wilbur Wright đã lái một máy bay nặng hơn không khí, có động cơ (powered heavier-than-air machine) ở Bắc Carolina vào năm 1903, nhưng thực sự chỉ đến những năm 1960, máy bay phản lực mới mở đường cho vận tải quy mô lớn. Otto Unverdorben

phân lập anilin vào năm 1826, nhưng phải đến năm 1854, phương pháp khử do Antoine Béchamp phát triển mới cho phép sản xuất thuốc nhuộm trên quy mô lớn. Ứng dụng trong ngành y khoa hoặc dược phẩm mất nhiều thời gian hơn, với dẫn xuất sulfanilamide được tổng hợp vào năm 1908, có nhiều công dụng kháng khuẩn. Một số khám phá y học khác thậm chí còn cần nhiều thời gian hơn để được nhân rộng trên toàn thế giới: Edward Jenner đã phát triển phương pháp chủng ngừa bệnh đậu mùa vào năm 1796, nhưng phải đến năm 1977, bệnh đậu mùa mới bị xóa sổ hoàn toàn. Và con trai, các chị (em) gái và vợ của Jenner đều qua đời vì bệnh lao, một căn bệnh mà vắc xin (BCG) lần đầu được sử dụng vào năm 1921.

Các nhóm chính trị mới nổi có khả năng rút ngắn được khoảng thời gian kéo dài của việc phát triển và ứng dụng những phát kiến mới. Ví dụ, một động lực mang tính cách mạng, tàu container, được phát triển vào những năm 1950, nhưng chỉ mang lại tác động quan trọng đối với chi phí và hoạt động vận tải trong những năm 1970 nhờ những thay đổi trong quy định của hãng vận tải và những tương tác của họ với nhà buôn. Những gián đoạn lớn, đặc biệt như chiến tranh, làm hạn chế thương mại nhưng cũng thúc đẩy mạnh mẽ việc tìm kiếm các giải pháp nhanh chóng - chẳng hạn như tổng hợp sản xuất nitrat cho cả thuốc nổ và phân bón cây trồng trong Chiến tranh thế giới thứ nhất và phát triển penicillin trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Do đó, thật sai lầm khi mặc định rằng lan tỏa công nghệ là một quá trình ổn định, có nhịp độ đều đặn. Nó được định hình rõ rệt qua các ưu tiên của chính phủ: lựa chọn dựa trên tầm quan trọng của những sản phẩm nhất định: đường sắt, tàu hơi nước, máy bay, vắc xin, v.v..

Những đặc điểm phát triển kỹ thuật cũng đúng với những phát kiến tài chính. Ý tưởng về phương pháp tiếp cận mới, như công cụ tài chính hoặc hình thức tổ chức mới, thường phát triển chậm trong thời gian dài, nhưng sau đó các tín hiệu giá đột nhiên báo hiệu khả năng thu lợi nhuận phi thường, cần có tư duy mới và sáng kiến đổi mới triệt để.

Vấn đề này có thể được xem xét tổng quát hơn. Toàn cầu hóa và Tăng trưởng kinh tế hiện đại (MEG) hình thành một mối liên hệ, trong đó những hạn chế về trao đổi toàn cầu thường xuyên trì hoãn và cản trở phát triển. Tăng trưởng đi kèm với triển vọng về một tương lai dư dả. Kiệt tác gần cuối đời *The Golden Bowl* (Chiếc bát vàng) của Henry James gợi lên lịch sử của đế chế và các sản phẩm vật chất của nó, cho thấy Mỹ tiếp nối năng lực triển khai sức mạnh đế quốc của Anh thế kỷ XIX và La Mã cổ đại. Chúng ta được gặp một hoàng tử La Mã đang mua sắm ở London: “Hoàng tử luôn yêu thích London, từ lần đầu đặt chân đến đây; ông là một trong những người La Mã hiện đại cảm thấy ở sông Thames một hình ảnh thuyết phục hơn về sự thật của nhà nước cổ đại so với mọi dấu ấn lịch sử trên sông Tevere (Italia). Lớn lên cùng truyền thuyết về thành phố mà cả thế giới tôn vinh, ông nhận thấy tầm vóc thực sự của một câu chuyện như vậy ở London ngày nay nhiều hơn ở Rome đương đại”. Vị hoàng tử của James dừng lại và “đứng trước một cửa sổ với những đồ vật to lớn và cục mịch, bằng bạc và vàng, ở những hình dạng được điểm xuyết đá quý, hoặc bằng da thuộc, thép, đồng thau, được áp dụng cho hàng trăm mục đích sử dụng và lạm dụng, được xếp lộn xộn cùng nhau cứ như thế, trong thái độ xác xược của Đế quốc, chúng là các chiến lợi phẩm của những thắng lợi ở nơi xa xôi”. Nhưng tính thô bạo của sự kết nối không chỉ nằm trong việc vận chuyển sản phẩm đi khắp nơi. Con người đang sản xuất và trở nên năng suất hơn trong quá trình toàn cầu hóa. Trong lá thư cuối cùng với tư cách Giám đốc điều hành của Amazon, Jeff Bezos đã nói với các cổ đông: “Nếu bạn muốn thành công trong kinh doanh (thực chất là trong cuộc sống), bạn phải tạo ra nhiều hơn những gì mình tiêu thụ. Mục tiêu của bạn là tạo ra giá trị cho tất cả những người mà bạn tương tác. Mọi hoạt động kinh doanh không tạo ra giá trị cho những người mà nó tiếp xúc, ngay cả khi trông bề ngoài có vẻ thành công, cũng sẽ không tồn tại lâu dài trên thế giới này. Nó sẽ bị đào thải”¹². Nếu mọi người đều tạo ra nhiều hơn mức họ tiêu dùng, thế giới sẽ có thặng dư thường xuyên.

Tương tác của con người cũng đánh thức những nhu cầu và mong muốn mà toàn cầu hóa hứa hẹn sẽ đáp ứng, từ đó chấm dứt chu kỳ khan hiếm. Đó là lời hứa mà Hoàng tử Amerigo của Henry James đang suy ngẫm. Nếu mọi người đều muốn thỏa mãn nhu cầu hoặc mong muốn của mình, thế giới sẽ thiếu hụt: và tình trạng thiếu hụt sẽ tiếp tục thúc giục toàn cầu hóa hơn nữa để thỏa mãn những nhu cầu chưa được đáp ứng.

Ý tưởng về kết nối

Một trong những tranh luận dai dẳng nhất trong phân tích về toàn cầu hóa là mức độ nó được định hình bởi các ý tưởng. Trong một phiên bản đơn giản, nhiều người cho rằng làn sóng toàn cầu hóa bùng nổ vào giữa thế kỷ XIX được thúc đẩy bởi những người có quyền lực và tài hùng biện đã tiếp thu thông điệp của các nhà tư tưởng vĩ đại Adam Smith và David Ricardo về lợi thế so sánh rồi truyền bá và phổ cập nó. Suy cho cùng, đây vẫn là thời đại của Napoléon với sự hưng thịnh của lý thuyết lịch sử về một “vĩ nhân”, được truyền bá bởi những nhà tiên tri như Thomas Carlyle. Liên đoàn chống Luật Bảo hộ hạt ngũ cốc (Anti-Corn Law League) của Richard Cobden và John Bright có dáng dấp của một hình mẫu vận động chính trị cho một mô hình kinh tế khác biệt - thương mại tự do và *laissez faire* (tự do kinh tế). Cuối thế kỷ XX, Milton Friedman và Friedrich Hayek được cho là những người phát động phong trào toàn cầu hóa tân tự do. Tuy nhiên, các nhà kinh tế học nhìn chung tương đối hoài nghi về những tuyên bố khẳng định tầm ảnh hưởng tri thức của các nhà kinh tế học, đồng thời nghiêng về những cách giải thích dựa trên lợi ích¹³. Các nhà sử học cũng phản đối lý thuyết về các vĩ nhân: họ chỉ ra rằng Thủ tướng Anh Robert Peel ở thế kỷ XIX thực hiện cải cách trong một hệ thống tiền dân chủ, nhưng vẫn cần đáp ứng những lợi ích kinh tế khá đơn thuần và giải quyết xung đột giữa địa chủ và những nông dân phụ thuộc vào thuế quan để duy trì mức

thu nhập của họ, cũng như giữa chủ lao động và người lao động chứng kiến mức thuế quan gây ra chi phí¹⁴.

Suy ngẫm về những giới hạn đối với tầm ảnh hưởng tri thức, nhà kinh tế học George Stigler phàn nàn: “Tại sao một nhà kinh tế học khi đưa ra lời khuyên cho xã hội lại thường xuyên bị phớt lờ một cách lạnh lùng như vậy? Ông không ngừng rao giảng về thương mại tự do - mặc dù các bài thuyết giáo cũng ngày càng thưa thớt - và chủ nghĩa bảo hộ thì ngày một gia tăng ở Mỹ”. Và ông tiếp tục phỏng đoán: “Trái lại, tôi tin rằng nếu Cobden chỉ biết tiếng Yiddish* và mắc chứng nói lắp, còn Peel là một kẻ ngốc nghếch, thiên cận, nước Anh lẽ ra đã hướng đến tự do buôn bán hạt ngũ cốc vào thời điểm các tầng lớp nông nghiệp suy giảm trong khi các tầng lớp sản xuất và thương mại thì phát triển... Bãi bỏ Luật Bảo hộ hạt ngũ cốc là phản ứng xã hội thích hợp đối với sự chuyển dịch sức mạnh chính trị và kinh tế”¹⁵. Thật vậy, thông qua số lượng nhà kinh tế học không đồng đạo hoặc không được trang bị các cơ sở nghiên cứu quá đắt đỏ như các nhà nghiên cứu ung thư, Stigler tiếp tục lập luận, có thể nhận thấy một đánh giá xã hội tương đối chính xác về tính hữu dụng của họ: “Tôi cũng phải thừa nhận rằng, nếu các nhà kinh tế học được sử dụng một cách hiệu quả thì tác động của họ đối với chính sách cũng chỉ rất nhỏ. Hãy nhớ lại ước tính của tôi: chi phí nghiên cứu cho ngành kinh tế học có lẽ vào khoảng 0,25 tỷ USD, và một phần đáng kể được dùng để hỗ trợ các nhà kinh tế có quan điểm trái ngược nhau. Những người tin rằng các nhà kinh tế học quan trọng hơn tiêu chuẩn nghèo nàn này ở một mức độ nào đó chắc chắn phải tin rằng xã hội đang cực kỳ thiếu đầu tư cho ngành kinh tế học”¹⁶. Stigler đã viết điều này vào năm 1976: vào thời điểm mà những lời khuyên chính sách của các nhà kinh tế học đã trở nên có ảnh hưởng hơn nhờ cuộc cách mạng Keynes, nhưng đó cũng là thời điểm trước khi các dịch vụ tài chính được phổ biến và trào lưu

* Ngôn ngữ của cộng đồng Do Thái, thuộc ngữ hệ Ấn - Âu (BT).

chủ nghĩa tư bản tài chính thúc đẩy số lượng lớn công ty thuộc khu vực tư nhân tuyển dụng các nhà kinh tế học (và nhờ vậy các nhà kinh tế học được trả thù lao cao hơn).

Để tìm hiểu động lực của tầm ảnh hưởng này, có thể suy ngẫm về thời điểm và cách thức mà các xu hướng dài hạn xuất hiện, cũng như chúng có thể bị phá vỡ như thế nào. Có thể là phong trào vĩ đại trong lịch sử: Tăng trưởng kinh tế hiện đại (MEG), hay hiện tượng liên quan đến xu hướng giảm lãi suất thực tế (r) kéo dài hàng thế kỷ¹⁷. Những xu hướng lớn này cho thấy những “quy luật” hiển nhiên có thể được hình thành chỉ dựa trên hai biến số: trong trường hợp này là chiều đi lên của tăng trưởng và chiều đi xuống của lãi suất. Toàn cầu hóa thúc đẩy tốc độ tăng trưởng (g), đồng thời tiến trình hiện đại hóa chính trị, cải cách thể chế và sự phát triển của các chính phủ đại diện với cơ quan lập pháp sở hữu tài sản cũng tạo ra lượng tài sản an toàn lớn hơn, và do đó tỷ suất lợi nhuận thấp hơn (r). Cách mạng tài chính ở Anh cuối thế kỷ XVII đã tạo ra một mô hình có thể sao chép, cũng như giảm lãi suất an toàn và giảm chi phí của các loại tư bản khác, mặc dù phần bù rủi ro có thể tương đối khác nhau¹⁸.

Các lý thuyết có tầm ảnh hưởng về tình trạng trì trệ hay thảm họa chủ nghĩa tư bản, từ Karl Marx (Các Mác) đến John Maynard Keynes, lập luận rằng lợi nhuận cận biên của tư bản giảm xuống khi tích lũy tư bản tăng lên. Keynes mô tả quá trình suy giảm hiệu quả cận biên của tư bản. Còn Marx tiếp thu lối tư duy này từ một truyền thống thậm chí còn lâu đời và có tầm ảnh hưởng hơn: những suy ngẫm của Adam Smith và David Ricardo về trạng thái đình trệ.

Bản chất của động lực dài hạn chính là yếu tố chủ đạo trong bất kỳ đánh giá nào về triển vọng tương lai, nhưng nó vốn luôn khó hiểu và khó nắm bắt. Đặc biệt, Marx đã không giải thích được quy luật tỷ lệ lợi nhuận giảm dần của mình, mà theo ông là “quy luật quan trọng nhất, xét theo quan điểm lịch sử” và “một quy luật mặc dù đơn giản nhưng chưa từng được nắm bắt và thậm chí còn chưa được trình bày rõ ràng một cách có

chủ ý”¹⁹. Marx bắt đầu suy nghĩ lại vấn đề lợi nhuận giảm dần và năm 1868 đã viết cho Engels (Ăngghen): “Nếu xem xét sự phát triển to lớn của lực lượng sản xuất lao động xã hội chỉ trong 30 năm qua so với tất cả các thời kỳ trước đó... những khó khăn cho các nhà kinh tế học trong việc giải thích tỷ lệ lợi nhuận giảm dần đến nay đã nhường chỗ cho điều trái ngược: tại sao tỷ lệ lợi nhuận không sụt giảm nhiều hơn và nhanh hơn”²⁰. Những cú sốc bất ngờ xuất hiện và các kết luận trước đó về viễn cảnh dài hạn buộc phải được đánh giá lại. Bởi vậy, những ai mong muốn diễn giải những xu hướng lớn cũng luôn phải chuyển trọng tâm chú ý của mình.

Một vấn đề cụ thể liên quan đến chỉ số nên được dùng để đo lường biến số r : lợi nhuận (thực tế) được điều chỉnh theo lạm phát trên các tài sản an toàn như trái phiếu chính phủ của các nước công nghiệp lớn? Chi phí cận biên của vốn? Hay lợi nhuận trung bình trên lượng vốn đã được đầu tư? Việc phân tích các xu hướng dài hạn của lợi nhuận trung bình đã dẫn đến một công thức quan trọng về tỷ suất lợi nhuận trên vốn, trong đó chỉ ra mức độ tích lũy ngày càng cao (“tạo ra tích lũy vô hạn”): sau đó đã trở thành chủ đề trong một phân tích nổi tiếng của Thomas Piketty²¹. Lãi suất trung bình của Piketty luôn cao hơn lãi suất cận biên, đặc biệt trong các thời kỳ suy thoái hoặc đình trệ: có lẽ vì trên thực tế nó chủ yếu liên quan đến lợi nhuận từ đất đai hoặc bất động sản mà hoàn toàn có thể được xem như giá thuê ở những địa điểm khan hiếm: trung tâm Paris, New York, Thung lũng Silicon hoặc Thượng Hải²². Hiện tượng này là nguyên nhân chính gây ra bất bình đẳng trong thế kỷ XIX, cũng như vào cuối thế kỷ XX: Piketty nhận thấy bất bình đẳng còn gia tăng với tốc độ nhanh hơn nữa trong thế kỷ XXI²³. Phiên bản $r > g$ của ông có thể chỉ đơn giản phản ánh quá trình toàn cầu hóa đã đẩy cao giá trị đất đai, đặc biệt ở các trung tâm kết nối toàn cầu (và quả thực, các thước đo về bất bình đẳng của ông đã giảm xuống trong giai đoạn phi toàn cầu hóa giữa thế kỷ XX). Qua đó, ông nhấn mạnh: ngay cả tiến bộ kỹ thuật, có thể được coi là thắng lợi về tài nghệ của con người hoặc vốn nhân lực trước “các loại vốn

chết nguội lạnh” (cold types of dead capital)* theo định nghĩa của ông (đất đai, nhà cao tầng hoặc vốn tài chính), cũng sẽ thúc đẩy thêm nhu cầu về nhà cao tầng, đô thị, bằng sáng chế, từ đó làm tăng lợi nhuận trên vốn. Theo quan điểm này, nhân loại sẽ không được giải cứu bởi “tính thất thường của công nghệ”²⁴.

Cũng cần suy nghĩ kỹ lưỡng hơn về tính thất thường này của công nghệ. Dài hạn không phải lúc nào cũng thẳng thắn. Mối quan hệ giữa lãi suất và tăng trưởng thay đổi hoàn toàn trong những thời kỳ khủng hoảng và bất định. Lợi nhuận thực tế trên vốn trở nên không ổn định trong những thời điểm có biến động giá rất lớn. Xem xét các bước phát triển “dưới góc độ vĩnh viễn” (*sub specie aeternitatis*) là đặc quyền xa xỉ của các triết gia, nhưng tầm nhìn quy mô lớn về các xu hướng chính không phải lúc nào cũng có tác dụng thông báo cho các cá nhân hoặc doanh nhân biết họ nên áp dụng những công nghệ nào. Đặc biệt là vào những thời điểm khủng hoảng, khi chúng ta không chắc chắn về tương lai, ý nghĩa và chiều hướng của nó. Vấn đề phá sản không phụ thuộc vào giá trị dài hạn của một ý tưởng hoặc quan niệm kinh doanh, mà phụ thuộc vào khả năng đáp ứng các yêu cầu tài chính trước mắt hoặc cách diễn giải tài sản và tiền nợ trong bảng cân đối kế toán. Chính tại những thời điểm nghi ngờ và do dự, các cá nhân, chính phủ và thị trường dễ bị tác động bởi những người thuyết phục: những nhà phân tích, diễn giả và nhà hùng biện có uy quyền, có thể cung cấp một số giải thích và tuyên bố biết trước tương lai. Sau đó, các phản ứng sẽ giúp định hình cách phát triển của tương lai: thời điểm này tồn tại nhiều khả năng hoặc quỹ đạo khác nhau. Nếu xem xét trạng thái tĩnh, chúng ta sẽ nghĩ đến cân bằng nhiều điểm (multiple equilibria). Như Keynes đã viết, “tâm lý không thể kiểm soát và bất phục tùng của thế giới kinh doanh” quyết định hiệu quả cận biên của vốn²⁵.

* Đề cập các tài sản hoặc nguồn lực không được sử dụng hiệu quả (BT).

MỤC LỤC

<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời cảm ơn</i>	7
<i>Giới thiệu: Giá cả định hình toàn cầu hóa như thế nào?</i>	9

01. NẠN ĐÓI LỚN VÀ CUỘC NỔI DẬY VĨ ĐẠI	41
---	----

02. KHỦNG HOẢNG CẬN BIÊN	76
---------------------------------	----

03. ĐẠI CHIẾN VÀ ĐẠI LẠM PHÁT	116
--------------------------------------	-----

04. ĐẠI KHỦNG HOẢNG	163
----------------------------	-----

05. ĐẠI LẠM PHÁT: THẬP NIÊN 1970 220

06. ĐẠI SUY THOÁI: 2008 267

07. ĐẠI PHONG TỎA: 2020-2022 335

Lời kết: Đại toàn cầu hóa tiếp theo 398

Chú thích 409

Chịu trách nhiệm xuất bản
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
ThS. PHẠM THỊ THINH

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
ThS. NGUYỄN HOÀI ANH

Biên tập nội dung:	ThS. CÙ THỊ THÚY LAN ThS. HOÀNG THU QUỲNH
Trình bày bìa:	PHÙNG MINH TRANG
Chế bản vi tính:	LÊ THỊ HẰNG
Sửa bản in:	PHẠM THỊ THU HỒNG NGUYỄN MINH HÀ
Đọc sách mẫu:	NGHIÊM THỊ TUẤN ANH

In cuốn, khổ 16x24cm, tại
Số đăng ký kế hoạch xuất bản: - /CXBIPH/ /CTQG
Quyết định xuất bản: Số -QĐ/NXBCTQG ngày
ISBN:
ISBN sách gốc: 978-0-300-26339-8
In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 2026.